

THANH TOÁN HỌC PHÍ BẰNG DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ THU TRANG^{1*} - LƯƠNG KHÁNH CHI¹

¹Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Hải Phòng

*Email: trangntt82@dhhp.edu.vn

TÓM TẮT:

Tiền di động đã được sử dụng thanh toán học phí tại nhiều trường học ở Việt Nam. Trên cơ sở dữ liệu thứ cấp và dữ liệu khảo sát thực nghiệm trên 2.255 sinh viên tại Hải Phòng, nghiên cứu đã đạt được một số kết quả sau: *Thứ nhất*, làm rõ tình hình triển khai, cơ cấu các dịch vụ, thói quen sử dụng tiền di động của sinh viên tại Việt Nam. *Thứ hai*, đánh giá những thành công và hạn chế trong thanh toán học phí bằng tiền di động của sinh viên. *Thứ ba*, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai và mở rộng ứng dụng Tiền di động trong lĩnh vực giáo dục đại học tại Việt Nam như mở rộng phạm vi, tăng cường hợp tác với các trường đại học, tích hợp nhiều tiện ích, tăng cường truyền thông...

Từ khóa: thanh toán học phí, tiền di động, ngân hàng di động, ví điện tử, đại học.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, tiền di động nổi lên như một giải pháp tài chính có tính phổ cập cao, đặc biệt đối với nhóm người dùng chưa tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Tại Việt Nam, dịch vụ này được triển khai từ năm 2021 và nhanh chóng mở rộng về quy mô người dùng cũng như hệ sinh thái dịch vụ. Tuy nhiên, việc ứng dụng tiền di động trong thanh toán học phí tại các trường đại học vẫn còn nhiều hạn chế và chưa thực sự phổ biến trong sinh viên. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu tập trung làm rõ thực trạng triển khai và một số nhìn nhận của sinh viên

đối với dịch vụ này, đồng thời đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vai trò quan trọng của tiền di động trong thúc đẩy tài chính toàn diện. Cobla, Osei-Assibey (2018) chỉ ra việc sử dụng tiền di động giúp cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính và ảnh hưởng tích cực đến hành vi chi tiêu của sinh viên. Narteh và cộng sự (2017) nhấn mạnh vai trò của các yếu tố nhận thức, niềm tin và tính hữu ích trong việc hình thành ý định sử dụng

dịch vụ. Tại Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào khía cạnh chính sách và điều kiện triển khai dịch vụ như Đào Bích Ngọc và cộng sự (2023), Nguyễn Thị Hoài Thu và cộng sự (2023). Vũ Thị Hải Lý và cộng sự (2022) bước đầu phân tích việc ứng dụng tiền di động trong sinh viên, tuy nhiên chủ yếu dừng lại ở khía cạnh chấp nhận và sử dụng.

Nhìn chung, các nghiên cứu trước đã làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và bối cảnh phát triển của Tiền di động, nhưng còn thiếu phân tích cụ thể về việc sử dụng trong thanh toán học phí tại các trường đại học; đây chính là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới bổ sung.

2.2. Cơ sở lý thuyết

Dịch vụ tiền di động phát triển mạnh tại các nước châu Phi từ năm 2007, chính thức triển khai tại Việt Nam tháng 11/2021. Sau 4 năm thí điểm, tiền di động đã được định nghĩa rõ ràng tại Nghị định số 368/NĐ-CP đến ngày 31/12/2025 của Chính phủ, “Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ tổ chức cung ứng tiền di động cung ứng cho khách hàng thông qua tài khoản tiền di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài”. Tổ chức cung cấp dịch vụ Tiền di động là các đơn vị không phải ngân hàng nhưng được cấp phép triển khai loại hình dịch vụ này. Tài khoản Tiền di động là một dạng tài khoản riêng biệt, được liên kết trực tiếp với số thuê bao di động của khách hàng và do các tổ chức cung cấp thiết lập để phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch thanh toán. Việt Nam hiện có 3 nhà mạng được cung cấp dịch vụ Tiền di động là Viettel (Viettel money), VNPT-Media (VNPT money), MobiFone (Mobifone money).

So sánh tiền di động, ngân hàng di động và ví điện tử: Tiền di động, ngân hàng di động và ví điện tử đều là các hình thức tài chính di động nhưng có sự khác biệt về điều kiện sử dụng và chủ thể cung cấp. Tiền di động thường do các doanh nghiệp viễn thông cung cấp, cho phép giao dịch qua tài khoản gắn với số thuê bao mà không cần tài khoản ngân hàng, điện thoại thông minh hay kết nối internet. Ngược lại, ngân hàng di động do các ngân hàng

cung cấp, yêu cầu người dùng có tài khoản ngân hàng và tích hợp đầy đủ các chức năng tài chính. Trong khi đó, ví điện tử là trung gian thanh toán, cần liên kết với tài khoản ngân hàng hoặc thẻ và cung cấp hệ sinh thái dịch vụ đa dạng. Do chỉ cần số điện thoại và mạng viễn thông, Tiền di động có tính phổ cập cao hơn và được kỳ vọng thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bài báo sử dụng phương pháp định tính, tổng hợp và phân tích các tài liệu trong và ngoài nước, phân tích thống kê mô tả trên dữ liệu thứ cấp về tiền di động từ Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các doanh nghiệp viễn thông Viettel, MobiFone, VNPT. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng sử dụng kết quả khảo sát thực nghiệm với dữ liệu từ 2.255 sinh viên tại Hải Phòng nhằm làm rõ hơn thực trạng sử dụng tiền di động trong thanh toán học phí tại các trường đại học.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát về dịch vụ Mobile money tại Việt Nam

Cuối năm 2021, dịch vụ Tiền di động (Mobile Money) chính thức được triển khai tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhờ không yêu cầu tài khoản ngân hàng, điện thoại thông minh hay kết nối internet. Thực tiễn cho thấy sự phổ biến của mã QR và các mô hình như “chợ 4.0” đã góp phần hình thành thói quen sử dụng dịch vụ tài chính số trong cộng đồng.

Theo Ngân hàng Nhà nước, đến hết Quý III/2024, Việt Nam có khoảng 9,8 triệu người dùng Tiền di động, trong đó Viettel chiếm 73%, VNPT-Media 21% và MobiFone 6%; hơn 7,1 triệu người dùng (72%) tập trung tại khu vực nông thôn, miền núi và vùng khó khăn (Thái Phương, 2024). Đến tháng 4/2025, số lượng người dùng đã đạt gần 30 triệu với hơn 300 tính năng, trong đó Viettel Money giữ vai trò dẫn dắt ở các lĩnh vực thanh toán thiết yếu như điện, nước, internet, học phí và dịch vụ công (Thái Anh,

2025). Những kết quả này khẳng định vai trò quan trọng của Tiền di động trong thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, định hướng thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục ngày càng được hoàn thiện. Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025, cùng với Công văn số 7030/BGDĐT-KHTC ngày 30/12/2024 yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học triển khai thu học phí trực tuyến, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng Tiền di động như một phương thức thanh toán hỗ trợ. Tuy nhiên, trên thực tế, mức độ sử dụng Tiền di động trong thanh toán học phí tại các trường đại học vẫn còn hạn chế, đòi hỏi các nghiên cứu cụ thể để đánh giá và mở rộng trong thời gian tới.

3.2. Thực trạng thanh toán học phí bằng dịch vụ tiền di động tại các trường đại học Việt Nam

Theo số liệu thống kê nhóm nghiên cứu tổng hợp qua 3 ứng dụng tiền di động về việc thanh toán học phí tại các trường đại học cho thấy: (1) Viettel Money thể hiện mức độ triển khai rõ nét hơn khi hiển thị trực tiếp danh sách khoảng 16 trường đại học, như: Ngoại ngữ, Đồng Tháp, Y Hải Phòng, Vinh, Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên,... cho phép người dùng lựa chọn và thực hiện thanh toán tương đối thuận tiện; (2) Trong khi đó, MobiFone Money chỉ tích hợp một số lượng hạn chế, khoảng 5-7 cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng, Đại học Văn Lang, Học viện Tài chính...; đồng thời giao diện còn xen lẫn các dịch vụ học tập trực tuyến, làm giảm tính tập trung vào chức năng thanh toán học phí; (3) VNPT Money chủ yếu được triển khai thông qua nền tảng trung gian vnEdu với quy mô lớn (4.488 cơ sở giáo dục), tuy nhiên trong danh sách hiển thị trực tiếp chỉ ghi nhận duy nhất một trường đại học là Đại học Trà Vinh, trong khi phần lớn còn lại thuộc bậc phổ thông. Điều này cho thấy mức độ hiện diện của Tiền di động trong khối giáo dục đại học trên nền tảng VNPT còn rất hạn chế và chưa được thiết kế theo hướng thân thiện với người dùng đại học.

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực nghiệm và thu về 2.255 phiếu điều tra hợp lệ của sinh viên một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hải Phòng, tìm hiểu thói quen sử dụng các dịch vụ tài chính di động, tìm hiểu lý do sinh viên không thích sử dụng dịch vụ tiền di động. Trên cơ sở 383 sinh viên đã sử dụng dịch vụ tiền di động, nhóm nghiên cứu tiếp tục khai thác sâu hơn cách thức giao dịch sinh viên thường sử dụng, tính năng yêu thích. Kết quả cho thấy:

- Về thói quen sử dụng dịch vụ tài chính: Ngân hàng di động (Mobile banking) là dịch vụ được sử dụng phổ biến nhất với 1.953 (86,6%) sinh viên lựa chọn, trong khi ví điện tử và tiền di động có tỷ lệ thấp hơn, lần lượt là 350 (15,5%) và 383 (17,0%). Trong số những sinh viên sử dụng Mobile Money, Viettel Money chiếm ưu thế tuyệt đối với 350 sinh viên (91,3%), trong khi VNPT Money 23 (6,1%) và Mobifone Money 25 (6,5%) chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Điều này cũng tương đồng với quy mô MM trên cả nước về tỷ trọng cung cấp MM của 3 nhà mạng Viettel, VNPT và Mobifone.

- Về lý do không thích sử dụng dịch vụ: Lý do phổ biến nhất là chưa hiểu rõ tiện ích của dịch vụ (32,1%), tiếp theo là lo ngại về lỗi kỹ thuật và vấn đề bảo mật (28%). Bên cạnh đó, một tỷ lệ đáng kể sinh viên vẫn ưu tiên sử dụng các hình thức thanh toán quen thuộc hơn như ngân hàng di động và ví điện tử.

- Cách thức giao dịch: Sinh viên chủ yếu thực hiện giao dịch thông qua ứng dụng cài đặt trên điện thoại di động, chiếm 54,2% số câu trả lời, trong khi sử dụng tin nhắn SMS chỉ chiếm 4,1%. Điều này cho thấy hình thức giao dịch qua SMS (vốn là đặc trưng của Tiền di động) không thực sự phù hợp với nhóm sinh viên do phần lớn đều sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet. Bên cạnh đó, giữa 2 hình thức chuyển tiền bằng số tài khoản và quét mã QR, phương thức quét mã QR được ưa chuộng hơn nhờ tính nhanh chóng, thuận tiện và hạn chế sai sót khi nhập thông tin.

- Khi được hỏi về tính năng yêu thích của tiền di động, 53,1% sinh viên lựa chọn khả năng giao dịch nhanh chóng mà không cần tài khoản ngân hàng;

tiếp theo là các chương trình ưu đãi (19,2%) và sau đó là khả năng giao dịch không cần kết nối internet, chỉ cần có sóng điện thoại.

3.2.1. Thành công

Thứ nhất, tiền di động đã góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thanh toán không dùng tiền mặt trong sinh viên. Các ứng dụng Viettel Money, VNPT Money và MobiFone Money cho phép sinh viên thực hiện giao dịch mà không cần tài khoản ngân hàng, đặc biệt phù hợp với những sinh viên khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đồng thời, tiền di động nâng cao tính tiện lợi và hiệu quả trong thanh toán học phí khi cho phép giao dịch mọi lúc, mọi nơi, dễ dàng theo dõi lịch sử và tăng tính minh bạch. Bên cạnh đó, việc tích hợp đa dạng tiện ích như học phí, viễn thông, điện, nước... góp phần hình thành thói quen sử dụng dịch vụ tài chính số trong sinh viên.

Thứ hai, tiền di động hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc nâng cao hiệu quả quản lý tài chính. Việc triển khai Tiền di động còn hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc giảm tải áp lực thu phí trực tiếp, từng bước hiện đại hóa quy trình quản lý tài chính và phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong giáo dục.

Thứ ba, tiền di động bước đầu khẳng định vai trò như một phương thức thanh toán hỗ trợ trong môi trường giáo dục đại học. Mặc dù, phạm vi triển khai còn hạn chế, nhưng những kết quả đạt được cho thấy, tiềm năng phát triển của dịch vụ này trong việc mở rộng hệ sinh thái thanh toán số cho sinh viên tại Việt Nam, góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy tài chính toàn diện.

3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, phạm vi triển khai tiền di động trong thanh toán học phí tại các trường đại học còn hạn chế. Thực tế cho thấy số lượng các trường phổ thông sử dụng các dịch vụ tiền di động khá phổ biến, tuy nhiên các trường đại học được tích hợp trên các nền tảng của Viettel, VNPT và MobiFone còn tương đối ít và phân tán, chưa hình thành được hệ thống liên kết rộng khắp, dẫn đến mức độ phổ biến trong sinh viên chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do quá trình tích hợp kỹ thuật giữa nhà mạng

và từng cơ sở giáo dục còn phức tạp, thiếu một nền tảng kết nối thống nhất.

Thứ hai, mức độ sử dụng thực tế của sinh viên đối với Tiền di động trong thanh toán học phí còn thấp. Mặc dù Tiền di động mang lại nhiều tiện ích, phần lớn sinh viên vẫn ưu tiên sử dụng ngân hàng di động hoặc ví điện tử do đã quen thuộc và được chấp nhận rộng rãi hơn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ thói quen tiêu dùng tài chính đã hình thành từ trước. Bên cạnh đó, dù về lý thuyết không yêu cầu tài khoản ngân hàng, tại Việt Nam, các tài khoản Tiền di động vẫn được liên kết với tài khoản ngân hàng theo quy định quản lý. Vì vậy, nếu không có sự bắt buộc, sinh viên có xu hướng tiếp tục sử dụng các ứng dụng sẵn có để thanh toán học phí.

Thứ ba, hạn mức giao dịch của Tiền di động còn là một rào cản đối với thanh toán học phí. Theo quy định trước kia, Tiền di động bị giới hạn giá trị giao dịch là 10 triệu đồng/tháng, trong khi học phí tại nhiều trường đại học có thể vượt quá mức này. Điều này làm giảm tính linh hoạt và khả năng thay thế hoàn toàn các phương thức thanh toán khác. Hạn chế này đã tháo gỡ trong Nghị định số 368/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ với hạn mức lên tới 100 triệu đồng/tháng.

Thứ tư, trải nghiệm người dùng và mức độ tích hợp dịch vụ chưa thực sự tối ưu. Một số nền tảng chưa hiển thị đầy đủ danh sách trường hoặc còn phụ thuộc vào hệ thống trung gian, gây khó khăn trong thao tác và tra cứu thông tin. Đồng thời, các tiện ích trong hệ sinh thái trường đại học như gửi xe, ký túc xá, căng tin... chưa được tích hợp đầy đủ, làm giảm mức độ hấp dẫn đối với sinh viên. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự khác biệt trong chiến lược phát triển của từng doanh nghiệp và thiếu sự đồng bộ trong thiết kế, triển khai dịch vụ.

Thứ năm, nhận thức và mức độ tin cậy của sinh viên đối với Tiền di động còn hạn chế. Một bộ phận người dùng vẫn e ngại về tính an toàn và bảo mật khi thực hiện giao dịch tài chính qua thuê bao di động. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác truyền thông, hướng dẫn sử dụng và phổ biến dịch vụ chưa thực sự hiệu quả, đặc biệt trong môi trường giáo dục đại học.

4. Một số đề xuất nhằm tăng cường thanh toán học phí bằng dịch vụ tiền di động trong các trường đại học tại Việt Nam

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Một là, mở rộng phạm vi triển khai Tiền di động trong các trường đại học thông qua việc xây dựng một nền tảng kết nối thanh toán thống nhất giữa doanh nghiệp viễn thông và cơ sở giáo dục. Việc chuẩn hóa dữ liệu sinh viên, mã định danh thanh toán và hệ thống quản lý học phí sẽ giúp giảm thiểu rào cản kỹ thuật, rút ngắn thời gian tích hợp và tạo điều kiện để các trường đại học dễ dàng triển khai đồng bộ trên quy mô lớn.

Hai là, các doanh nghiệp viễn thông cần nâng cao trải nghiệm người dùng theo hướng đơn giản, trực quan và thân thiện hơn với sinh viên. Đồng thời, cần mở rộng hệ sinh thái dịch vụ trong phạm vi trường đại học như thanh toán ký túc xá, căng tin, gửi xe, tài liệu học tập... nhằm gia tăng tần suất sử dụng, từ đó hình thành thói quen sử dụng Tiền di động trong đời sống hàng ngày của sinh viên.

Ba là, cần đẩy mạnh công tác truyền thông và hướng dẫn sử dụng dịch vụ một cách có hệ thống, thông qua các kênh nhà trường, tổ chức đoàn thanh

niên, hội sinh viên và nền tảng số. Nội dung truyền thông cần tập trung làm rõ lợi ích, tính an toàn, cũng như cách thức sử dụng cụ thể, qua đó nâng cao nhận thức và củng cố niềm tin của sinh viên đối với dịch vụ Tiền di động.

Bốn là, cần có chính sách khuyến khích từ Nhà nước và cơ sở giáo dục như miễn, giảm phí giao dịch, tích hợp tiền di động vào hệ thống thu học phí hoặc áp dụng ưu đãi tài chính cho sinh viên sử dụng dịch vụ. Đồng thời, trên cơ sở Nghị định 368, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý theo hướng linh hoạt nhằm tạo điều kiện mở rộng cung ứng dịch vụ.

5. Kết luận

Tiền di động đã bước đầu khẳng định vai trò trong thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và tài chính toàn diện tại Việt Nam, trong đó có lĩnh vực giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc triển khai trong thanh toán học phí vẫn còn hạn chế về phạm vi, mức độ sử dụng và trải nghiệm người dùng. Do đó, để tiền di động trở thành một phương thức thanh toán hỗ trợ quan trọng trong hệ sinh thái tài chính số dành cho sinh viên Việt Nam, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp viễn thông và các cơ sở giáo dục trong việc hoàn thiện hạ tầng, chính sách và nâng cao nhận thức cho sinh viên ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). Công văn số 7030/BGDĐT-KHTC về việc thanh toán học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, ban hành ngày 31/10/2024.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Quyết định số 1813/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 ban hành ngày 28/10/2021.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Quyết định số 316/QĐ-TTg về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa dịch vụ có giá trị nhỏ, ban hành ngày 09/3/2021.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025). Nghị định số 368/2025/NĐ-CP Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động ban hành ngày 31/12/2025.

Đào Bích Ngọc, Nguyễn Phương Thảo, Hoàng Minh Thảo, Lê Minh Phương, Trịnh Thị Phương Thảo, Vũ Hiền Lan (2022). Nghiên cứu về phát triển Mobile Money: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam. Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, số 242, 12.

Nguyễn Thị Hoài Thu và cộng sự (2023). Đánh giá tác động của dịch vụ tiền di động đến sự phát triển của tài chính toàn diện tại Việt Nam và một số khuyến nghị. Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, số 255.

Thái Anh (2025). Chiến lược AI First của Viettel Money cho 30 triệu người dùng. Truy cập tại <https://vnexpress.net/chien-luoc-ai-first-cua-viettel-money-cho-30-trieu-nguoi-dung-4931151.html>.

Thái Phương (2024). Những con số bất ngờ về Mobile Money sau 3 năm thử nghiệm Truy cập tại <https://nld.com.vn/nhung-con-so-bat-ngo-ve-mobile-money-sau-3-nam-thu-nghiem-196241203105508811.htm>.

Vũ Thị Hải Lý, Lê Xuân Cù, Tạ Thị Tuyết Mai (2021). Nghiên cứu ứng dụng Mobile Money của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Thương mại.

Cobla G. M., & Osei-Assibey E. (2018). Mobile money adoption and spending behaviour: The case of students in Ghana. *International Journal of Social economics*, 45(1), 29-42.

Narteh B., Mahmoud M. A., & Amoh S. (2017). Customer behavioural intentions towards mobile money services adoption in Ghana. *The Service Industries Journal*, 37(7-8), 426-447.

Ngày nhận bài: 11/03/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/03/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/04/2026

TUITION FEE PAYMENTS VIA MOBILE MONEY SERVICES IN VIETNAMESE UNIVERSITIES

● **NGUYEN THI THU TRANG¹**

● **LUONG KHANH CHI¹**

¹Faculty of Accounting and Finance,
Hai Phong University

ABSTRACT:

Mobile money has been increasingly adopted as a payment method for tuition fees at educational institutions in Vietnam. Drawing on both secondary data and a large-scale survey of 2,255 students in Hai Phong, this study provides a comprehensive assessment of its implementation. The findings elucidate the current deployment landscape, service structure, and usage patterns of mobile money among students. The analysis further evaluates the effectiveness of mobile money for tuition payments, highlighting both its achievements and existing constraints. Overall, the study offers empirical insights into user behavior and the operational dynamics of mobile money within the higher education context in Vietnam.

Keywords: tuition payment, mobile money, mobile banking, e-wallet, university.